

SOFT SKILLS AND THE NEED FOR LEARNING SOFT SKILLS OF FIRST YEAR STUDENTS OF HANOI MEDICAL UNIVERSITY, 2022

Pham Bich Diep^{1*}, Le Dinh Luyen¹, Dam Thi Ngoc Anh¹, Le Thi Vu Huyen¹, Kim Bao Giang¹, Do Thi Thanh Toan¹, Tran Kim Thanh¹, Nguyen Thi Thu Huong¹, Do Thi Thanh²

¹School of Preventive Medicine and Public Health Training, Hanoi Medical University

² Center for testing and ensuring educational quality, Hanoi Medical University

Received 17 July 2024

Accepted 04 November 2024

Abstract: Soft skills is an necessary skills for undergraduated students. **Objectives:** The goal of the study is to describe students' self-assessment of the level of necessity, level of proficiency and priority need for training in soft skills of first-year students majoring in nutrition, preventive medicine and public health, Hanoi Medical University in 2022. **Method:** Cross-sectional study among 181 students. **Results:** Most of students think that soft skills are necessary (from 85.1% to 93.4%). The level of proficiency in 14 soft skills is still low (students' self-rated communication skills are most proficient at 7/10 (10 is the most proficient), the lowest is communication skills in English (4/10), and proficient in using office computers (5/10). Students give first priority to learning English communication skills and communication skills. The vast majority of students want to learn soft skills for free (from 69.6% to 92.3%). Students' willingness to pay to learn to communicate in English is the highest. **Conclusion and recommendations:** Students all believe that learning soft skills is necessary and many soft skills of students are at an average level of proficiency. First-year students have a need to learn soft skills, especially English communication skills and communication skills. In order for students to have good soft skills after graduating from university, it is need to have activities to guide self-study and develop soft skills for students. In addition, teaching methods in universities pay more attention to combine soft skills for students with required professional knowledge.

Key words: student, soft skills

* Corresponding author

E-mail address: phambichdiep@hmu.edu.vn

<https://doi.org/10.56086/jcvb.v4i4.196>

KỸ NĂNG MỀM VÀ NHU CẦU HỌC KỸ NĂNG MỀM CỦA SINH VIÊN NĂM THỨ NHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI, NĂM 2022

Phạm Bích Diệp^{1*}, Lê Đình Luyện¹, Đàm Thị Ngọc Anh¹, Lê Thị Vũ Huyền¹, Kim Bảo Giang¹, Đỗ Thị Thanh Toàn¹ Trần Kim Thanh¹, Nguyễn Thị Thu Hương¹, Đỗ Thị Thanh²

¹Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, Trường Đại học Y Hà Nội

²Trung tâm khảo thí và đảm bảo chất lượng giáo dục, Trường Đại học Y Hà Nội

Nhận ngày 17 tháng 07 năm 2024

Chấp nhận đăng ngày 04 tháng 11 năm 2024

Tóm tắt: Kỹ năng mềm (KNM) là hành trang rất cần thiết cho sinh viên (SV) sau khi tốt nghiệp. Với mục tiêu mô tả tự đánh giá của SV về mức độ cần thiết, mức độ thành thạo và nhu cầu ưu tiên được đào tạo về KNM của SV năm thứ nhất chuyên ngành dinh dưỡng, y học dự phòng và y tế công cộng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2022. Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang trong 181 SV cho kết quả đại đa số sinh viên (SV) đều cho rằng các KNM là cần thiết (từ 85,1% đến 93,4%). Mức độ thành thạo về 14 KNM còn thấp (kỹ năng giao tiếp được SV tự đánh giá thành thạo nhất là 7/10 (10 là thành thạo nhất), thấp nhất là kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh (4/10) và sử dụng thành thạo máy tính văn phòng (5/10). SV ưu tiên đầu tiên học kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh và kỹ năng giao tiếp. Đa số SV muốn được học các KNM miễn phí (từ 69,6% đến 92,3%). Mức sẵn sàng chi trả của SV để học giao tiếp bằng tiếng Anh là cao nhất. **Kết luận và khuyến nghị:** SV đều cho rằng học KNM là cần thiết và nhiều KNM của SV còn có mức độ thành thạo ở mức trung bình. SV năm thứ nhất có nhu cầu học KNM, đặc biệt là kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh và kỹ năng giao tiếp. Để SV có KNM tốt sau khi tốt nghiệp đại học, cần có các buổi sinh hoạt hướng dẫn tự học và phát triển các KNM cho SV. Bên cạnh đó phương pháp giảng dạy trong trường đại học quan tâm nhiều hơn đến lồng ghép KNM cho SV cùng các kiến thức chuyên môn bắt buộc.

Từ khóa: sinh viên, kỹ năng mềm

1. Đặt vấn đề

Trong xã hội hiện đại ngày nay, kỹ năng mềm (KNM) là hành trang giúp cá nhân thích nghi với sự thay đổi không ngừng của xã hội và ngày càng được đánh giá cao. Ngoài chuyên môn, sinh viên (SV) tốt nghiệp đại

học cần phải có KNM tốt khi đi làm. KNM là một loạt các kỹ năng thể hiện năng lực, hành vi, thái độ và đặc điểm cá nhân cho phép các cá nhân quản lý môi trường của họ một cách hiệu quả và làm việc tốt với những người khác [1]. Những kỹ năng này có chức năng

bổ sung cho các kỹ năng chuyên môn và rất cần cho sự phát triển nguồn nhân lực [2,3]. Nghiên cứu của Klaus cho thấy 75% thành công của một người phụ thuộc vào KNM [4]. KNM tốt làm tăng cơ hội người đó có công việc tốt và mức lương cao hơn [5].

Hiện nay chưa có định nghĩa KNM thống nhất. Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu đều đồng ý rằng những kỹ năng này liên quan đến khả năng làm việc của một người trong các môi trường làm việc khác nhau.

Nghiên cứu tổng quan về các loại KNM đưa ra 4 loại nhóm KNM gồm [2]:

- Kỹ năng tự quản lý giúp kiểm soát trạng thái, thời gian và các quy trình làm việc.
- Kỹ năng tư duy hiệu quả/ tư duy trí tuệ chịu trách nhiệm quản lý tâm trí.
- Kỹ năng giao tiếp cơ bản giúp ích cho mọi người phát triển các mối quan hệ, duy trì cuộc trò chuyện, cư xử hiệu quả trong các tình huống quan trọng khi giao tiếp.
- Kỹ năng quản lý: trách nhiệm lập kế hoạch, động viên, quản lý sự thay đổi nhân cách,...

Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng KNM có thể rèn luyện trong quá trình học tập. SV nhận thấy mức độ cần thiết và nhu cầu đào tạo cao về học kỹ năng giao tiếp càng cao thì xu hướng để trau dồi kỹ năng và học kỹ năng tốt hơn. Do vậy, nghiên cứu này được triển khai với mục tiêu: “mô tả tự đánh giá của SV về mức độ cần thiết, mức độ thành thạo và nhu cầu ưu tiên được đào tạo về KNM của SV năm thứ nhất chuyên ngành dinh dưỡng,

y học dự phòng và y tế công cộng Trường Đại học Y Hà Nội năm 2022”.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Từ tháng 10 năm 2022 đến tháng 10 năm 2023 (trong đó thời gian thu thập số liệu là tháng 11 năm 2022) tại Trường Đại học Y Hà Nội.

2.3. Đối tượng nghiên cứu: SV năm thứ nhất chuyên ngành dinh dưỡng, y tế công cộng và hệ bác sĩ y học dự phòng trường đại học Y Hà Nội.

2.4. Cơ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Chọn tất cả SV năm thứ nhất hệ dinh dưỡng, hệ y tế công cộng và hệ bác sĩ y học dự phòng là 190 SV tham gia nghiên cứu. Tuy nhiên, chỉ có 181 sinh viên tham gia vào nghiên cứu, chiếm 95,3%.

2.5. Biến số và công cụ nghiên cứu

Biến số nhân khẩu học: tuổi, giới, nơi ở, tiền tiêu vật hàng tuần.

Quan điểm của SV về mức độ cần thiết của 14 KNM theo phân loại từ tổng quan [2] và cũng dựa trên các KNM cần thiết từ phía người sử dụng lao động: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, quản lý thời gian, lập kế hoạch và tổ chức công việc, đàm phán, lãnh đạo, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, kỹ năng học và tự học, kỹ năng nghiên cứu, thiết lập mối quan hệ, giao tiếp bằng tiếng anh, sử dụng thành thạo máy tính văn phòng.

Mức độ cần thiết, thành thạo và nhu cầu ưu tiên đào tạo về 14 KNM của SV.

2.6. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

Bộ câu hỏi gồm 3 phần:

Phân thông tin chung: tuổi, giới, ngành, năm học,..

Thông tin về KNM: sự cần thiết, sự thành thạo, nhu cầu ưu tiên học KNM, sẵn sàng chi trả học KNM.

Quy trình xây dựng bộ công cụ được tham khảo từ các nghiên cứu trong đối tượng SV về nhu cầu và sự cần thiết của KNM. Công cụ đã được tiến hành làm thử nghiệm trước khi đưa vào thu thập số liệu trong thực tế.

Bộ câu hỏi tự điền được thiết kế trên REDcap để gửi link cho SV tự điền. Thông tin được lưu lại trên máy chủ. Tất cả các phiếu thông tin đều dưới dạng khuyết danh.

2.7 Xử lý và phân tích số liệu

Số liệu được quản lý trên phần mềm RedCap.

Số liệu được làm sạch trên phần mềm thống kê SPSS 20 trước khi phân tích.

Thống kê mô tả bao gồm trung bình, độ lệch chuẩn, tần số, tỷ lệ phần trăm được sử dụng để thể hiện đặc điểm của đối tượng tham gia nghiên cứu, sự cần thiết và thành thạo và mức độ sẵn sàng chi trả học các KNM.

2.8 Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua hội đồng đề cương cấp cơ sở của Viện đào tạo YHDP và YTCC và có quyết định số 1102/QĐ-ĐHYHN ngày 25 tháng 4 năm 2023 về phê duyệt thực hiện đề tài cấp cơ sở.

3. Kết quả

3.1. Đặc điểm chung của đối tượng

Bảng 1. Thông tin chung về đối tượng nghiên cứu

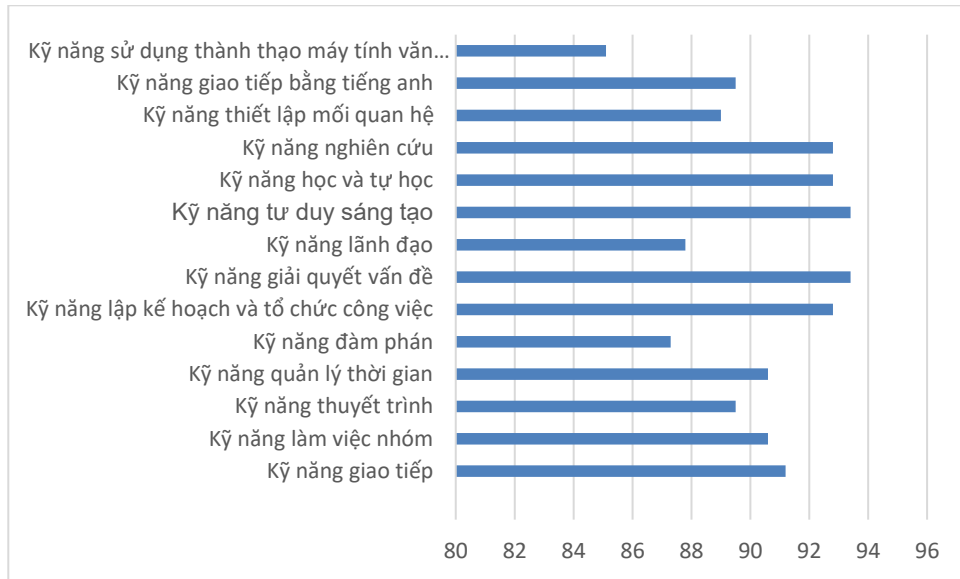
Biến	Phân loại	Số lượng (n = 181)	Tỷ lệ %
Giới	Nam	61	33,7
	Nữ	120	66,3
Ngành học	Dinh Dưỡng	69	38,1
	YTCC	46	25,4
	YHDP	66	36,5
Tiền tiêu vật trung bình/tuần	<500,000VND	142	78,5
	500,000-1 triệu	31	17,1
	>1 triệu	8	4,4

Trong số 181 SV tham gia nghiên cứu có 33,7% SV nam; SV chuyên ngành Dinh

dưỡng chiếm tỷ lệ cao nhất (38,1%), tiếp đến là SV YHDP và YTCC. Đa số SV có tiền

tiền vật trung bình một tuần là dưới 500,000 đồng.

3.2. Tự đánh giá về sự cần thiết phải học KNM



Hình 1. Tỷ lệ SV cho rằng học KNM là cần thiết

Đại đa số SV đều tự nhận thức được sự cần thiết phải học KNM (từ 85,1% đến 93,4%), trong đó tỷ lệ SV cho rằng kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng tư duy sáng tạo là cần thiết chiếm cao nhất (93,4%) và thấp nhất là kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính

văn phòng. Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh được 89,5% SV cho là cần thiết.

3.3. Tự đánh giá về mức độ thành thạo và mức độ ưu tiên học KNM của sinh viên

Bảng 2. Tự đánh giá về mức độ thành thạo và mức độ ưu tiên học KNM của SV

Kỹ năng (KN)	Mức độ thành thạo ¹				Mức độ ưu tiên học ²			
	Mean	SD	Media n	25%; 75%	Mean	SD	Media n	25%; 75%
Giao tiếp	6,4	1,9	7,0	5,0;8,0	4,5	3,8	3,0	1,0;8,0
Làm việc nhóm	6,7	1,7	7,0	6,0;8,0	5,8	3,5	6,0	2,0;9,0
Thuyết trình	5,7	2,0	6,0	5,0;7,0	5,1	3,2	4,0	3,0;8,0
Quản lý thời gian	6,1	1,7	6,0	5,0;7,0	5,5	3,2	5,0	3,0;8,0
Đàm phán	5,8	1,9	6,0	5,0;7,0	6,8	3,2	7,0	5,0;9,0
Lập kế hoạch và tổ chức công việc	6,2	1,9	7,0	5,0;8,0	6,1	2,8	6,0	4,0;8,0
Giải quyết vấn đề	6,4	1,7	7,0	5,0;8,0	6,2	2,9	7,0	4,0;8,0

Lãnh đạo	6,0	2,0	6,0	5,0;8,0	7,3	3,3	8,0	5,0;10
Tư duy sáng tạo	6,4	1,8	7,0	5,0;8,0	6,1	3,4	6,0	3,0;9,0
Học và tự học	5,9	1,5	6,0	5,0;7,0	5,7	3,6	5,0	2,5;10
Nghiên cứu	6,0	1,8	6,0	5,0;7,0	6,4	3,7	6,0	3,0;10
Thiết lập mối quan hệ	6,6	1,9	7,0	5,0;8,0	7,7	3,9	8,0	4,0;12
Giao tiếp bằng tiếng anh	3,9	2,4	4,0	2,0;6,0	4,1	3,9	2,0	1,0;7,0
Sử dụng thành thạo máy tính văn phòng	5,4	2,2	5,0	4,0;7,0	6,2	3,8	6,0	2,5;9,0

Ghi chú: ¹SV tự đánh giá từng kỹ năng với thang điểm từ 1 đến 10 trong đó 1 là ít thành thạo nhất và 10 là thành thạo nhất.

²SV tự đánh giá mức độ ưu tiên học từng KNM với thang điểm từ 1 đến 12 trong đó 1 là ưu tiên học nhất và 12 là ít ưu tiên nhất.

SV tự đánh giá về mức độ thành thạo từng KNM của bản thân cho thấy KNM SV thành thạo nhất là một số kỹ năng liên quan đến giao tiếp cơ bản và kỹ năng quản lý (kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, lập kế hoạch tổ chức công việc và giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và thiết lập mối quan hệ), nhưng cũng chỉ ở mức 7/10. Kỹ năng SV tự đánh giá ít thành thạo nhất là tiếng anh (4/10)

và sử dụng thành thạo máy tính văn phòng (5/10).

SV tự đánh giá về mức độ ưu tiên học từng KNM cho thấy SV ưu tiên học KNM nhất là giao tiếp bằng tiếng anh, và tiếp đến là kỹ năng giao tiếp. Kỹ năng sử dụng thành thạo máy tính văn phòng chỉ được ưu tiên học ở mức trung bình.

3.4.Mức độ sẵn sàng chi trả của SV để học KNM

Bảng 3. Mức độ sẵn sàng chi trả của SV để học KNM

Kỹ năng (KN)	Không muốn trả tiền (n, %)	Sẵn sàng trả tiền			
		Mean	SD	Median	25%; 75%
Giao tiếp	150 (82,9)	427.742	451.580	200.000	100.000; 500.000
Làm việc nhóm	158 (87,3)	378.260	445.132	200.000	100.000; 500.000

Thuyết trình	152 (84,0)	441.379	593.727	200.000	100.000; 500.000
Quản lý thời gian	163 (90,1)	494.444	689.818	250.000	100.000; 500.000
Đàm phán	161 (89,0)	460.000	480.569	350.000	100.000; 500.000
Lập kế hoạch và tổ chức công việc	158 (87,3)	397.826	629.299	200.000	100.000; 500.000
Giải quyết vấn đề	158 (87,3)	421.739	464.128	300.000	100.000; 500.000
Lãnh đạo	154 (85,1)	472.222	593.933	300.000	100.000; 500.000
Tư duy sáng tạo	157 (86,7)	450.000	623.280	200.000	100.000; 500.000
Học và tự học	157 (86,7)	427.083	450.357	250.000	100.000; 500.000
Nghiên cứu	152 (84,0)	443.103	441.936	200.000	100.000; 500.000
Thiết lập mối quan hệ	167 (92,3)	475.000	540.210	250.000	100.000; 500.000
Giao tiếp bằng tiếng anh	126 (69,6)	1.168.181	1.515.761	500.000	200.000; 1.000.000
Sử dụng thành thạo máy tính văn phòng	147 (81,2)	625.000	920.823	350.000	100.000; 1.000.000

Hầu hết SV đều muốn học KNM không phải đóng tiền từ 69,6% đến 92,3% (trong đó, tỷ lệ SV sẵn sàng chi trả để học kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh là cao nhất). Mức độ sẵn sàng chi trả để học giao tiếp bằng tiếng Anh là cao nhất, trung bình khoảng 1,515,761 đồng cho một khoá học.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy SV năm thứ nhất hệ dinh dưỡng, Y học dự phòng và y tế công cộng, trường đại học Y Hà Nội đã nhận thức được sự cần thiết về các KNM.

Tự đánh giá về mức độ cần thiết: tỷ lệ SV đánh giá mức độ cần thiết của các kỹ năng (trong số 14 KNM) đều rất cao (từ 85,1% đến 93,4%), trong đó kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo được SV cho là cần thiết

nhất). Kết quả này tương tự như nghiên cứu ở SV trường công nghệ lâm nghiệp; 89,62% SV cho rằng KNM là quan trọng và rất quan trọng với SV [3], hay kết quả của SV trường Đại học thủ đầu một cho thấy 90,9% SV cho rằng KNM rất cần thiết [4]. Đề cập đến quan điểm của sinh viên Úc về các KNM cần thiết để thành công trong sự nghiệp, dự kiến đến năm 2030, 2/3 việc làm trên thế giới sẽ tập trung vào kỹ năng mềm; 88% SV Úc cũng nhận thấy rằng KNM rất quan trọng cho sự nghiệp tương lai của họ. Hai trong ba KNM hàng đầu mà sinh viên Úc coi là thiết yếu để thành công trong nghề nghiệp là tương tự như trong nghiên cứu này: tư duy sáng tạo và tư duy giải quyết vấn đề [5].

Tự đánh giá về mức độ thành thạo: SV năm thứ nhất tự đánh giá về mức độ thành thạo 14 KNM là chưa cao, kỹ năng SV thành thạo nhất là các kỹ năng liên quan đến giao tiếp 7/10 (trong đó 10 là thành thạo nhất) và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh và sử dụng tin học văn phòng thành thạo của SV là kém nhất (tương ứng là 4/10 và 5/10). Kết quả này phản ánh một thực tế là, trong những năm học cấp 3 đa phần SV học theo các môn thi đầu vào đại học. Đối với SV thi vào trường đại học Y thì không phải thi tiếng Anh, SV đến từ nhiều vùng miền của miền Bắc chứ không chỉ Hà Nội, do vậy khả năng tiếp cận các kỹ năng này bị hạn chế hơn, do đó SV không thành thạo trong việc sử dụng tiếng anh giao tiếp và tin học văn phòng. Tuy nhiên, đây là hai kỹ năng không thể thiếu giúp nâng cao

năng lực tự học khi còn là SV và trong công việc cũng phát triển nghề nghiệp của các em sau này. Từ kết quả này, có lẽ các chương trình giáo dục ở cấp 3 cần nghiên cứu trang bị thêm cho các em những cơ hội để các em có môi trường giao tiếp tiếng anh nhiều hơn, qua đó giúp nâng cao năng lực giao tiếp tiếng anh của các em càng sớm càng tốt.

SV tự đánh giá mức độ thành thạo về kỹ năng tự học là thấp (6/10). Kết quả nghiên cứu này cao hơn so với kết quả của SV trường công nghệ lâm nghiệp [3]. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của SV trường Đại học Kinh tế và Quản trị Kinh Doanh cũng cho thấy đa số SV có kỹ năng học và tự học chưa tốt, chưa chủ động tìm kiếm sách tham khảo và tập trung đào sâu suy nghĩ về các vấn đề mà thầy cô đưa ra thảo luận trên lớp. Chính vì vậy, kết quả học tập của nhiều em không cao [4]. Đây là một trong những kỹ năng quan trọng SV cần phải đạt được để giúp nâng cao năng lực và tự học tập suốt đời. Tuy nhiên, kỹ năng này hiện tại không được đưa vào giảng dạy trong trường đại học. Do vậy, trường đại học cần có những câu lạc bộ, sinh hoạt nhóm để tập huấn cũng như hướng dẫn SV tự học ngay từ năm đầu tiên. Một nghiên cứu trong SV trường đại học ở Ấn Độ cho thấy KNM của sinh viên có thể được hoàn thiện nếu các trường đại học truyền đạt những kiến thức được chuẩn hóa đầy đủ các buổi đào tạo KNM cho SV. Bài báo chứng minh rằng bằng cách thường xuyên cho học sinh tiếp xúc qua các buổi đào tạo KNM, SV sẽ được cải thiện

đáng kể KNM và từ đó cải thiện khả năng có việc làm của SV. Những sinh viên thường xuyên được tiếp xúc với KNM qua các buổi học sẽ có lợi thế hơn các sinh viên khác. Điều này không chỉ liên quan đến khả năng làm việc mà còn liên quan đến sự phát triển nhân cách toàn diện [6]. Như vậy, khi kỹ năng tự học không được dạy thường xuyên ở nhà trường, có lẽ cũng cần có những buổi sinh hoạt hướng dẫn các em liên tục về phương pháp tự học, từ đó hình thành những kỹ năng tự học cho các em.

Tự đánh giá về mức độ ưu tiên học KNM: SV ưu tiên số một là học “Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh” và tiếp đến là “kỹ năng giao tiếp”, trong khi đó KNM mà sinh viên ít ưu tiên học nhất là “kỹ năng thiết lập mối quan hệ” và “kỹ năng lãnh đạo”. Kết quả này có thể được giải thích là do đây là các em SV chuyên ngành y tế, có thể các em có suy nghĩ là cán bộ y tế thì cần phải tiếp xúc và giao tiếp với người bệnh hiệu quả, do đó kỹ năng giao tiếp là kỹ năng được các em ưu tiên sau kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh. Kết quả nghiên cứu này cũng chỉ ra sự tương đồng khi mà đại đa số các SV không muốn chi trả để học KNM (từ 69,6% đến 92,3%). Trong nghiên cứu này, tỷ lệ SV sẵn sàng chi trả cao nhất là để học kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh (92,3%) và với mức giá cao nhất. Kết quả nghiên cứu này cũng tương đồng như nghiên cứu trong SV trường cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V có 80,5% SV

mong muốn đưa KNM vào trong chương trình đào tạo [3].

5. Kết luận và kiến nghị

Hầu hết SV năm thứ nhất Trường đại học Y Hà Nội đều nhận thấy KNM với SV là cần thiết. Kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh và sử dụng thành thạo máy tính văn phòng là hai kỹ năng mà SV ít thành thạo nhất trong 14 KNM. Tuy nhiên, ưu tiên số một của SV là học kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Hai kỹ năng giao tiếp bằng tiếng anh và sử dụng thành thạo máy tính là điều kiện cần thiết để giúp SV tự học cũng như nâng cao năng lực trong nghề nghiệp sau này. Do vậy các em cần được rèn luyện hai kỹ năng này càng sớm càng tốt, ngay từ khi còn học phổ thông. Ngoài ra, trong quá trình học tập ở bậc đại học, đoàn thanh niên và hội SV của trường cần có những buổi sinh hoạt hướng dẫn tự học và các KNM để SV có được những KNM tốt khi ra trường. Bên cạnh đó, phương pháp giảng dạy có thể quan tâm nhiều hơn đến lồng ghép KNM cho SV cùng các kiến thức chuyên môn bắt buộc.

Tài liệu tham khảo

- [1] The Hard Truth about Soft Skills. <<https://www.amanet.org/articles/the-hard-truth-about-soft-skills/>>, accessed: 15/05/2021.
- [2] Musa F., Mufti N., Latiff R.A. và cộng sự. (2012). Project-based Learning (PjBL): Inculcating Soft Skills in 21st Century Workplace. *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, **59**, 565–573.

[3] Nguyễn Bá Huân và Bùi Thị Ngọc Thoa (2018). Thực trạng và nhu cầu đào tạo kỹ năng mềm của sinh viên khoa Kinh tế và quản trị kinh doanh Trường đại học Lâm nghiệp . .

[4] Phạm Kim Cương (2021). Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên trường đại học thủ đầu một đạt chuẩn đầu ra theo CDIO. *Nhà xuất bản tài chính*.

[5] Narjiss Elmoutanna và Nadia Motii (2022). Soft skills from university to workplace: A literature review. *International journal of accounting, finance, auditing, management & economics*, **3(5)**, 187–198.

[6] John J. (2009). Study on the Nature of Impact of Soft Skills Training Programme on the Soft Skills Development of Management Students.

<https://papers.ssrn.com/abstract=1591331>>, accessed: 12/10/2023.